

Bản án số: 31/2025/HS - PT

Ngày: 22/5/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nhân

Các Thẩm phán: ông Dương Viết Hải và ông Nguyễn Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Loan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 22 tháng 5 năm 2025 tại Hội trường xét xử án hình sự - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 55/2025/HSPT ngày 08 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo Trần Văn H, Trần Chiến T, Phạm Minh D, Phạm Đình T1 và Nguyễn Bá Q do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2025/HSST ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Văn H; sinh ngày 11 tháng 02 năm 2008 (tại thời điểm phạm tội 16 tuổi 4 tháng 17 ngày) tại tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn F, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: hiện đang là học sinh lớp 10; trình độ học vấn: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Q1 và bà Dương Thị T2; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 10/7/2024 cho đến nay, có mặt.

2. Trần Chiến T; sinh ngày 01 tháng 5 năm 2007 (tại thời điểm phạm tội 17 tuổi 01 tháng 27 ngày) tại tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D1 và bà Trần Thị S; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 10/7/2024 cho đến nay, có mặt.

3. Phạm Minh D; sinh ngày 08 tháng 8 năm 2005 tại Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Trung T3 và bà Dương Thị T4; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/7/2024 cho đến ngày 09/8/2024 được thay đổi biện pháp “Bảo lĩnh” cho đến nay, có mặt.

4. Phạm Đình T1; sinh ngày 21 tháng 8 năm 2004 tại Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn F, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình (đồng thời là bị hại đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” do bị cáo Trần Chiến T gây ra); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình B và bà Phan Thị V; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 10/7/2024 cho đến nay, có mặt.

5. Nguyễn Bá Q; sinh ngày 11 tháng 7 năm 2004 tại Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn M, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình (đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá C (đã chết) và bà Nguyễn Thị Hồng T5; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 10/7/2024 cho đến nay, có mặt.

- Những người tham gia tố tụng khác:

1. Đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn H: bà Dương Thị T6, sinh năm 1984 (là mẹ đẻ của bị cáo); nơi cư trú: Thôn F, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Chiến T: bà Trần Thị S, sinh năm 1978 (là mẹ đẻ của bị cáo); nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

3. Người bào chữa cho bị cáo Trần Chiến T: Bà Nguyễn Thị Hương T7 – Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình; địa chỉ: Số A L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

4. Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn H: ông Phan Trọng H1 - Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình; địa chỉ: Số A L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt

Trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác nhưng không có kháng cáo, án sơ thẩm không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 28/6/2024, Dương Phạm Quang K điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 73F1-608.94 chở theo Trần Văn H đi đến quán “Em con S” ở thôn F, xã Đ để ăn uống. Tại đây, K gặp Trần Nhật Q2 và Phạm Đình P thì nghe P kể vừa đi dự sinh nhật của Trần Thanh Đ, hiện nhóm của Đ đang hát tại quán K1 (gọi tắt là quán K1), ở thôn Đ, xã Đ, huyện B, trong đó có Trần Chiến T. Do có mâu thuẫn với T từ trước, nên khi nghe P kể lại, K đã hẹn H cùng đi tìm T để gây gỗ đánh nhau, lúc này H rủ thêm Q2 đi cùng. Trước khi đi, K điều khiển xe mô tô đến nhà Phạm Đình T1 lấy 02 con dao có lưỡi bằng kim loại, rồi quay lại quán “Em con S1” đón H và Q2. Trên đường đi, Q2 là người trực tiếp điều khiển xe mô tô, K và H ngồi sau mỗi người cầm 01 con dao. Khi đến trước quán K1”, Q2 điều khiển xe vòng qua vòng lại phía trước quán 02 lần, còn K và H ngồi sau dờ giao lên hét hò nhằm mục đích khiêu khích nhóm của T đang hát bên trong quán rồi bỏ đi. Trên đường đi về hướng xã Đ, Trần Văn H tiếp tục gọi điện hẹn thêm Phạm Đình T1 đến với mục đích cùng K và Q2 quay lại quán “Gia Bảo” để tiếp tục gây gỗ với nhóm của T.

Tại quán “Gia B1” lúc này có Trần Chiến T đang hát Karaoke với nhóm bạn, gồm: Trần Quốc T8, Phạm Minh D, Trần Thanh Đ, Dương Mạnh H2, Phan Quốc H3; Trần Mạnh H4, Trần Xuân H5, Trần Đình V1, Trần Mạnh S2 và một số người bạn của Đ. Khi Trần Quốc T8 tình cờ đi ra cửa quán “Gia Bảo” nhìn thấy nhóm của Trần Văn H đang đưa dao lên khiêu khích bên ngoài đường, nên quay vào phòng hát kể lại cho mọi người biết. Trần Chiến T nghe T8 kể lại thì chạy ra phía bên ngoài để xem, thấy xe mô tô của Q2 đang bỏ đi, nên T sử dụng xe mô tô để sẵn trước sân quán chạy về nhà mình lấy 02 con dao có lưỡi bằng kim loại giấu sẵn ở hàng rào từ trước, rồi quay lên quán “Gia Bảo” đợi sẵn.

Đối với Phạm Đình T1, sau khi nghe Trần Văn H gọi điện, T1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 73F1-062.77 đến gặp nhóm của Q2 và H, lúc này K sang đi cùng xe mô tô với T1, còn H đi cùng xe với Q2, rồi cả 04 người trên 02 xe mô tô tiếp tục quay lại trước quán “Gia Bảo” khiêu khích bằng dao. Thấy nhóm của H quay lại hò hét khiêu khích, Trần Chiến T nói với Phạm Minh D điều khiển xe mô tô của D chở T đuổi theo xe mô tô của Q2 và T1 đang bỏ chạy về phía trước, trên đường truy đuổi T đưa cho D3 cầm 01 con dao. Khi xe mô tô của D chở T đuổi kịp xe mô tô của T1 đến đoạn đường Q, địa phận thôn E, xã Đ thì T dùng dao ném về phía xe của T1 chở K nhưng không trúng, còn D dùng dao ném trúng vào chân trái của T1 gây thương tích. Sau khi ném dao xong, D dừng xe lại bên đường để nhặt 02 con dao mà D và T vừa ném rơi, còn xe mô tô của T1 chở K tiếp tục bỏ chạy về nhà của T1. Lúc này tại nhà T1 đã có H, Q2 và Nguyễn Bá Q. Khi về đến nhà, T1 đi vào bên trong nhà rửa

vết thương, còn Q, H, K và Q2 đang đứng ở trước sân thì nhìn thấy bên ngoài đường có xe mô tô do Trần Mạnh H4 điều khiển, chở theo sau Đ và H5 đang đi tới, nên Dương Phạm Quang K, Trần Nhật Q2 và Trần Văn H cầm dao đuổi theo. Thấy vậy, Trần Mạnh H4 điều khiển xe mô tô bỏ chạy làm H5 ngồi phía sau tuột khỏi xe mô tô và chạy bộ sau. Lúc này, K cầm 01 con dao chạy bộ đuổi theo H5, còn Q lấy xe mô tô biển kiểm soát 73F1-062.77 của T1 chở Trần Văn H và Trần Nhật Q2 cùng đuổi theo (H mang theo 02 con dao và 01 ống tuýp bằng kim loại, Q2 mang theo 01 con dao và 01 võ chai bia thủy tinh), T1 cũng cầm theo 02 võ chai bia thủy tinh chạy bộ đuổi theo sau. Nhóm của K và H truy đuổi H5 dọc trên đường Q hướng Bắc – N (hướng từ thôn F, xã Đ về thôn B, xã Đ). Khi đến gần trụ sở Ngân hàng A thuộc thôn F, xã Đ, thấy H5 chạy bộ băng qua dải phân cách cứng giữa đường Q, rồi vào trốn ở góc sân phía sau quán “Hong Nhung” của chị Mai Thị N, sinh năm 1986, ở thôn F, xã Đ thì H và Q2 nhảy xuống xe mô tô của Q và cùng với K chạy bộ băng qua đường đuổi theo H5, còn Q bỏ xe mô tô biển kiểm soát 73F1-062.77 lại bên phần đường B - N (gần trụ sở Ngân hàng A), rồi nhặt 01 con dao và 01 ống tuýp mà H vớt lại trên đường và cùng đuổi theo nhóm của H. Khi đuổi vào sân quán “HỒ N”, thấy H5 đang trốn ở góc hàng rào, Q2 dùng 01 võ chai bia thủy tinh mang theo đứng từ xa ném về phía H5 làm chai bia rơi xuống sân bị vỡ, H5 hoảng sợ bỏ chạy ra phía sân thì bị H chặn lại dùng dao chém 01 nhát trúng vào hông trái làm H5 ngã nằm xuống sân, hai tay ôm lên đầu. Lúc này, H tiếp tục dùng dao chém thêm 1 đến 2 nhát vào vùng hông và mông của H5 gây thương tích, còn Q2 dùng dao chém một nhát trúng vào người H5. Lúc này, Nguyễn Bá Q cầm theo 01 con dao và 01 ống kim loại chạy tới chỗ H5 đang bị đánh, Q ném ống tuýp bằng kim loại xuống sân, H liền nhặt ống tuýp lên đánh 02 cái vào đùi trái của H5, còn Q dùng chân đá trúng vào người H5. D2 Phạm Quang K cũng chạy tới dùng dao chém vào người H5 thì vô tình trúng vào đầu của Q làm Q bị thương, K tiếp tục dùng dao chém khoảng 1 đến 2 nhát trúng vào người H5. Phạm Đình T1 cũng chạy tới dùng 01 võ chai bia thủy tinh đánh vào vùng đầu của H5 đang nằm dưới sân. Sau đó, thấy trên đầu Q bị thương tích chảy máu nên H, Q2, K, T1 và Q dừng lại bỏ đi. Nguyễn Bá Q sau đó được đưa đến Trạm y tế xã H sơ cứu vết thương rồi ra về, còn Phạm Đình T1 đến sơ cứu tại Trạm y tế xã Đ, rồi chuyển lên điều trị tại bệnh viện đa khoa huyện B, đến ngày 29/6/2024 ra viện. Đối với Trần Xuân H5, sau khi nhóm của Trần Văn H bỏ ra về, H5 gọi điện cho Trần Quốc T8 nhờ T8 đến chở H5 vào Trạm y tế xã Đ sơ cứu các vết thương rồi ra về mà không tiếp tục nhập viện điều trị tại các cơ sở y tế khác.

Đối với Trần Chiến T và Phạm Minh D, sau khi ném dao trúng gây thương tích cho Phạm Đình T1 trong quá trình rượt đuổi trên đường Q xong thì dừng xe lại để nhặt 02 con dao, sau đó tiếp tục đi dọc theo đường QL 1A hướng Nam - B để tiếp tục tìm nhóm của T1 nhưng không thấy. Dũng và T tiếp tục quay về dọc theo đường Q

hướng Bắc - Nam, khi đến gần khu vực Trụ sở Ngân hàng A thuộc thôn F, xã Đ thì nhìn thấy xe mô tô biển kiểm soát 73F1-062.77 của Nguyễn Bá Q để lại bên đường trước đó (lúc này Q và nhóm Trần Văn H đang đuổi theo đánh Trần Xuân H5), nên D và T dừng lại thì có Trần Thanh Đ và Trần Mạnh H4 cũng vừa đi tới. Đoán biết xe mô tô biển kiểm soát 73F1-062.77 là của nhóm Trần Văn H, nên T dùng con dao mang theo chém 01 nhát vào đầu xe mô tô, sau đó T dặn Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 73F1-062.77 đi về khu tái định cư thuộc địa phận thôn A, xã Đ với mục đích để T buộc nhóm của Trần Văn H ra lấy lại xe nhằm gặp nhau nói chuyện giải quyết mâu thuẫn. Khi về đến khu tái định cư T, xã Đ, T biết tin Trần Xuân H5 bị thương tích đang nằm ở quán “Hồng Nhung” nên T, Trần Quốc T8 và một số người khác đến quán “Hồng Nhung” chở H5 đến Trạm y tế xã Đ sơ cứu và băng bó các vết thương. Sau đó, T cùng một số người quay lại khu tái định cư tiếp tục ngồi chơi. Tại đây, do bức xúc vì nhóm Trần Văn H đã dùng các hung khí chém, đánh H5 gây thương tích nên T đã dùng con dao chém liên tục nhiều nhát vào các bộ phận trên xe mô tô BKS 73F1-062.77 làm xe bị hư hỏng. Sau khi chém làm hư hỏng xe mô tô xong, T vứt dao lại hiện trường rồi bỏ ra về cùng mọi người.

Hậu quả và thiệt hại của vụ án:

- Đối với Trần Xuân H5: Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 95/KLTTCT-TTGDYK-PY, ngày 09/7/2024 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y tỉnh Q và tại Kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 105/KLTTCT-TTGDYK-P, ngày 29/7/2024, của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y tỉnh Q kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích gây nên là: 12% (Mười hai phần trăm)”. Các thương tích nêu trên phù hợp với vật sắc gây ra. Các thương tích nêu trên không gây nguy hiểm cho tính mạng.

- Đối với Phạm Đình T1: Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 96/KLTTCT-TTGDYK-PY, ngày 09/7/2024, của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y tỉnh Q kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là: 02% (hai phần trăm). Thương tích nêu trên do vật sắc gây ra. Thương tích nêu trên không gây nguy hiểm cho tính mạng.

- Đối với Nguyễn Bá Q: Bị Dương Phạm Quang K dùng dao chém nhằm trúng gây thương tích ở phần đầu nhưng chỉ bị thương nhẹ nên Q chỉ đến sơ cứu khâu vết thương tại Trạm y tế xã H, sau đó ra về tự điều trị tại nhà, và không yêu cầu giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể.

- Đối với xe mô tô BKS 73F1-062.77 có giấy đăng ký xe số 007052 do Công an huyện B cấp ngày 25/4/2012, mang tên Nguyễn Anh T9, sinh năm 1986, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện B là dựng của Phạm Đình T1, anh T9 đã tặng cho Phạm Đình T1.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 75/KL-HĐĐGTS, ngày 22/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, BKS 73F1-062.77, màu đen-đỏ đã bị hư hỏng với giá tài sản là 3.313.000 đồng (Ba triệu ba trăm mười ba nghìn đồng).

- Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tạm giữ và xác minh các phương tiện, tài sản có nguồn gốc hợp pháp nên đã xử lý trả lại cho các chủ sở hữu có liên quan, gồm: Trả xe mô tô BKS 73F1-608.94 cho anh Dương Ý M; Trả xe mô tô BKS 67L2-415.65 cho anh Phạm Trung T3; Trả xe mô tô BKS 73F1-082.14 cho chị Nguyễn Thị H6; Đối với xe mô tô BKS 73F1-062.77 vì Nguyễn Anh T9 đã cho Phạm Đình T1 nên đã trả cho T1. Tiếp tục tạm giữ các vật chứng còn lại có liên quan gồm: 01 con dao bằng kim loại, có tổng chiều dài 49cm (ký hiệu A1); 01 con dao bằng kim loại, có tổng chiều dài 46,5cm (ký hiệu A2); 01 con dao bằng kim loại, có tổng chiều dài 60,5cm (ký hiệu B1); 01 con dao bằng kim loại, có tổng chiều dài 73,5cm (ký hiệu B2); 01 con dao bằng kim loại, có tổng chiều dài 34cm (ký hiệu D); 01 ống tuýp bằng kim loại hình trụ tròn, có tổng chiều dài 60cm (ký hiệu A3); 01 ống tuýp bằng kim loại hình trụ tròn, có tổng chiều dài 61cm (ký hiệu C); 02 chai thủy tinh nhãn hiệu Gold Star màu xanh (bên trong rỗng), (ký hiệu E1 và E2).

- Phần dân sự: Quá trình điều tra Trần Chiến T và Phạm Minh D đã liên đới bồi thường các chi phí thiệt hại đối với thương tích của Phạm Đình T1 số tiền 3.000.000 đồng theo thỏa thuận; Trần Chiến T đã bồi thường thiệt hại liên quan đến việc sửa chữa, khắc phục đối với xe mô tô BKS 73F1-062.77 cho Phạm Đình T1, số tiền 4.200.000 đồng theo thỏa thuận; Đối với thương tích của Trần Xuân H5, mặc dù H5 không có yêu cầu bồi thường, nhưng Dương Phạm Quang K, Trần Văn H, Trần Nhật Q2, Phạm Đình T1 và Nguyễn Bá Q đã tự nguyện liên đới hỗ trợ chi phí cho H5 với số tiền 1.000.000 đồng. Các bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường theo thỏa thuận và có đơn cam đoan không có yêu cầu, khiếu nại gì thêm về trách nhiệm dân sự. Đối với Nguyễn Bá Q không có yêu cầu bồi thường.

Cáo trạng số: 02/CT-VKSBT ngày 05/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình truy tố các bị cáo Trần Văn H, Trần Chiến T, Phạm Minh D, Phạm Đình T1 và Nguyễn Bá Q phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 BLHS. Các bị cáo Trần Văn H, Trần Nhật Q2, Phạm Đình T1 và Nguyễn Bá Q phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS). Bị cáo Trần Chiến T phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 BLHS.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2025/HS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình đã tuyên:

1. Về tội danh và hình phạt:

1.1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H, Trần Chiến T, Phạm Minh D, Phạm Đình T1 và Nguyễn Bá Q đã phạm vào tội: “Gây rối trật tự công cộng”.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 90, 91 và khoản 1 Điều 101 BLHS, xử phạt bị cáo Trần Văn H 18 tháng tù.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 90; 91 và khoản 1 Điều 101 BLHS, xử phạt bị cáo Trần Chiến T 18 tháng tù.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Phạm Đình T1 24 tháng tù.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Phạm Minh D 24 tháng tù, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/7/2024 đến ngày 09/8/2024, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày ngày bị cáo đi thi hành án.

- Căn cứ điểm khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Bá Q 24 tháng tù.

1.2. Tuyên bố các bị cáo: Trần Văn H, Trần Nhật Q2, Phạm Đình T1 và Nguyễn Bá Q đã phạm vào tội: “Cố ý gây thương tích”;

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 90; 91; khoản 1 Điều 101 và khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 103 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn H 12 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù của tội “Gây rối trật tự công cộng”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 30 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Đình T1 15 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 24 tháng tù của tội “Gây rối trật tự công cộng”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 39 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Nhật Q2 15 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 24 tháng tù của tội “Gây rối trật tự công cộng”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 39 tháng tù, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/7/2024 đến ngày 09/8/2024, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Bá Q 12 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 24 tháng tù của tội “Gây rối trật

tự công cộng”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 36 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

1.3. Tuyên bố bị cáo Trần Chiến T phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; các Điều 90; 91; khoản 1 Điều 101; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 103 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Chiến T 05 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù của tội “Gây rối trật tự công cộng”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 23 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ ngày 04 đến ngày 18/3/2025, các bị cáo Trần Văn H, Trần Chiến T, Phạm Minh D, Phạm Đình T1 và Nguyễn Bá Q có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo. Bị cáo Trần Văn H cung cấp thêm Giấy xác nhận cứu giúp người bị nạn, đơn trình bày muốn tiếp tục đi học; Trần Chiến T cung cấp thêm H7, Huy chương của ông bà ngoại và đơn xác nhận còn đang đi học; bị cáo Phạm Minh D cung cấp thêm Giấy khen về việc giao nộp vũ khí; H7, Huy chương của ông bà nội ngoại; bị cáo Phạm Đình T1 cung cấp thêm xác nhận tham gia phòng chống Covid 19, Huy chương, kỷ niệm chương của ông bà nội; Nguyễn Bá Q cung cấp thêm Giấy chứng nhận hiến máu nhân đạo, tham gia phòng chống Covid 19, Giấy khen học sinh tiên tiến lớp 12A.

Ý kiến của các Trợ giúp viên đề nghị cho bị cáo chưa thành niên được hưởng án treo để có cơ hội đi học, làm người có ích.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn H, Trần Chiến T, Phạm Minh D cho các bị cáo được hưởng án treo, không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên hình phạt án sơ thẩm đối với Phạm Đình T1, Nguyễn Bá Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Văn H, Trần Chiến T, Phạm Minh D, Phạm Đình T1, Nguyễn Bá Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: tối ngày 28/6/2024 Trần Văn H, Trần Chiến T, Phạm Đình T1,

Phạm Minh D, Nguyễn Bá Q đã có hành vi sử dụng các xe mô tô và dao, ống tuýp bằng kim loại, vỡ chai bia thủy tinh rượt đuổi nhau trên các trục đường liên xã Đ, xã Đ và tuyến đường QL1A để khiêu khích, đánh, chém nhau ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và gây tổn hại đến sức khỏe người khác là đã phạm vào tội ‘Gây rối trật tự công cộng’ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 BLHS; Hành vi của Trần Văn H, Phạm Đình T1, Nguyễn Bá Q đã sử dụng dao, ống tuýp bằng kim loại, vỡ chai bia thủy tinh là những hung khí nguy hiểm chém, đánh vào người Trần Xuân H5 gây tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể 12% (mười hai phần trăm) là đã phạm vào tội ‘Cố ý gây thương tích’ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS. Còn Trần Chiến T có hành vi dùng dao chém liên tiếp nhiều nhất vào xe mô tô 73F1-062.77 gây thiệt hại tài sản trị giá 3.313.000 đồng là đã phạm vào tội ‘Cố ý làm hư hỏng tài sản’ quy định tại khoản 1 Điều 178 BLHS.

Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên các bị cáo theo các tội danh và khung hình phạt trên là có căn cứ, đúng qui định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo vừa xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực an ninh trật tự, vừa gây thiệt hại về tài sản, sức khỏe cho người khác và của chính bị cáo. Các bị cáo thực hiện hành vi thuộc trường hợp đồng phạm nhưng giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công trước, chỉ là bột phát khi có người rủ rê. Đối với tội danh và mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã quyết định xử phạt đối với các bị cáo là phù hợp, đúng người, đúng tội, đúng điều điểm khoản nên các bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo ở nhà. Nhận thấy:

Đối với Trần Văn H khi được rủ đi gây rối thì H lại rủ thêm Trần Nhật Q2, Phạm Đình T1 cùng đi. H có hành vi liên tiếp chém vào H5 gây thương tích. Hành vi của H cho thấy bị cáo là người tích cực trong thực hiện hành vi, nhưng do bị cáo là người chưa thành niên nên hành động mang tính cảm tính, bốc đồng, thiếu suy nghĩ. Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo xuất trình thêm giấy xác nhận đã từng cứu giúp người bị tai nạn có xác nhận của bị hại và chính quyền địa phương; hiện bị cáo đang là học sinh mong muốn được tiếp tục đi học nên cần xem xét cho bị cáo chấp hành hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp với quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ - HĐTP; Nghị quyết 01/2022/NQ - HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 65 BLHS về án treo và các quy định của chính sách người chưa thành niên phạm tội ; Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Đối với hành vi của Trần Chiến T cũng rất tích cực, chạy lấy hai con dao có lưỡi bằng kim loại rồi nói D chở đuổi theo xe Q2 và T1, T ném dao vào xe T1 nhưng không trúng; T chém nhiều nhất vào xe T1 gây thiệt hại. Cũng như bị cáo H, bị cáo T là người chưa thành niên, hành động do bức xúc, bột bột, thiếu suy nghĩ. Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo nộp thêm H7, Huy chương của ông bà ngoại; có đơn xác nhận đang là học sinh và mong muốn được tiếp tục đi học, nên cần xem xét cho bị cáo

chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo là phù hợp với quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 65 BLHS về án treo và các quy định của chính sách người chưa thành niên phạm tội; Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Khi áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với người chưa thành niên cần áp dụng thêm Điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên để ấn định thời gian thử thách không quá 3 năm.

Đối với Phạm Minh D có hành vi gây rối, cầm dao do T đưa, chở T đuổi theo Q2, T1. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 24 tháng tù là phù hợp. Giai đoạn phúc thẩm, bị cáo nộp thêm Giấy khen của Chủ tịch UBND xã tặng vì đã giao nộp vật liệu nổ, có H7, Huy chương của ông nội, ông ngoại bị cáo, đây là tình tiết quy định ở khoản 2 Điều 51 BLHS chưa được xem xét. Xét thấy, so với các bị cáo khác bị cáo Phạm Văn D3 chỉ bị khởi tố, truy tố, xét xử về 1 tội; mặt khác, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có thể tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương. Do đó, cần cho bị cáo một cơ hội để sửa chữa những sai lầm, tu dưỡng bản thân trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Đối chiếu các quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ - HĐTP; Nghị quyết 01/2022/NQ - HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 65 BLHS về án treo thấy rằng bị cáo thỏa mãn các điều kiện để áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo là phù hợp.

Đối với Phạm Đình T1, Nguyễn Bá Q đều là đã người thành niên, phạm hai tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Tại cấp phúc thẩm bị cáo Phạm Đình T1 cung cấp thêm các tài liệu: Huân huy chương kháng chiến của bà nội; xác nhận tham gia tốt hoạt động phòng chống Covid 19; đơn xác nhận hoàn cảnh... Bị cáo Nguyễn Bá Q cung cấp các tài liệu: giấy chứng nhận đã tham gia hiến máu tình nguyện, tham gia phòng chống Covid 19, giấy khen..... Đây là những tài liệu được xem là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS mà tại cấp sơ thẩm các bị cáo chưa nộp, Tòa sơ thẩm chưa áp dụng để xem xét áp dụng đối với tội “Gây rối trật tự công cộng” cho các bị cáo. Xét thấy, đối với tội gây rối quy định tại khoản 2 Điều 318 BLHS cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng mức khởi điểm của khung hình phạt áp dụng cho các bị cáo là 24 tháng tù. Đối với tội “Cố ý gây thương tích” các bị cáo đã được áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để xử dưới khung là đã phù hợp với vai trò, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và không đủ điều kiện để cho hai bị cáo hưởng án treo nên cần giữ nguyên mức hình phạt đối với hai bị cáo mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử.

[3] Về án phí: các bị cáo Trần Văn H, Trần Chiến T, Phạm Minh D không phải chịu án phí ; Kháng cáo của Phạm Đình T1, Nguyễn Bá Q không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, 356, 357; khoản 2 các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn H, Trần Chiến T, Phạm Minh D.

2. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Đình T1, Nguyễn Bá Q.

3. Tuyên xử:

3.1. Về tội danh:

- Trần Văn H, Trần Chiến T, Phạm Minh D, Phạm Đình T1, Nguyễn Bá Q phạm tội: “*Gây rối trật tự công cộng*”.

- Trần Văn H, Phạm Đình T1, Nguyễn Bá Q phạm tội: “*Cố ý gây thương tích*”.

- Trần Chiến T phạm tội: “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”.

3.2. Về điều luật và hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; 90; 91 BLHS; các Điều 124, 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên, xử phạt bị cáo Trần Văn H 18 tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 55; 90; 91 BLHS; các Điều 124, 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên, xử phạt bị cáo Trần Văn H 12 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng Điều 121 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên. Tổng hợp với hình phạt cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **30 (ba mươi)** tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; 90; 91 BLHS; các Điều 124, 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên, xử phạt bị cáo Trần Chiến T 18 tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; các điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 55; 90; 91 BLHS; các Điều 124, 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên, xử phạt bị cáo Trần Chiến T 05 tháng tù về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”.

Áp dụng Điều 121 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên. Tổng hợp hình phạt cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **23 (hai mươi ba)** tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 65; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Phạm Minh D **24 (hai mươi bốn)** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Giao bị cáo H, T, D cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Phạm Đình T1 24 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” .

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS, xử phạt bị cáo Phạm Đình T1 15 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 BLHS. Tổng hợp hình phạt cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **39 (ba mươi chín)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Bá Q 24 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Bá Q 12 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 BLHS. Tổng hợp hình phạt cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **36 (ba mươi sáu)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Bá Q, Phạm Đình T1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm mỗi bị cáo 200.000 đồng.

6. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Bố Trạch;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Công an huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- UBND xã Đồng Trạch;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Hoàng Thị Thanh Nhân

